



Đa dạng thực vật họ Long não (Lauraceae) phân bố ở vùng đất cát nội đồng phường Phong Dinh, thành phố Huế

Trương Thị Hiếu Thảo, Lê Thanh Hải

Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 03/2/2026

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 23/3/2026

Ngày nhận đăng: 08/4/2026

Ngày xuất bản: 20/4/2026

Từ khóa:

Thành phần loài;

Họ Long não;

Đất cát nội đồng;

Thành phố Huế.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng thành phần loài, đặc điểm sinh thái và giá trị tài nguyên của họ Long não (Lauraceae) tại vùng cát nội đồng phường Phong Dinh, thành phố Huế, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa. Bằng phương pháp điều tra thực địa trên các ô tiêu chuẩn được lập trên địa bàn nghiên cứu, bước đầu đã xác định được 15 loài thuộc 7 chi, chiếm 19,23% tổng số loài họ Long não của toàn thành phố. Phân tích phổ dạng sống cho thấy nhóm cây thân gỗ chiếm ưu thế về số lượng loài; tuy nhiên, do đặc điểm môi trường khô nóng, phần lớn các loài đều có khuynh hướng “thu nhỏ” về mặt hình thái để phù hợp với môi trường sống. Số lượng loài tập trung cao ở những khu vực khô nóng như Phong Bình, Phong Hiền, Phong Hòa, hơn là vùng đất ngập nước Phong Chương, điều này minh chứng cho sự thích nghi mạnh mẽ với môi trường đất cát khắc nghiệt của các loài thuộc họ Long não. Về giá trị sử dụng, ghi nhận 93,3% số loài có công dụng làm dược liệu và 66,7% số loài cho tinh dầu. Kết quả này là tiền đề khoa học cho việc triển khai các nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm hóa sinh, sinh lý và nhân giống các loài ưu thế nhằm phục vụ công tác phục hồi rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu trên đất cát nội đồng miền Trung.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Họ Long não (Lauraceae) là một trong những họ thực vật có hoa thuộc bộ Laurales, phân bố chủ yếu tại các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Trên thế giới, họ này bao gồm khoảng 55 chi với hơn 2.500 loài, tập trung mật độ cao tại Đông Nam Á và Nam Mỹ (Nguyễn, 2017). Tại Việt Nam, Lauraceae là một trong những họ có mức độ đa dạng bậc nhất với trên 250 loài đã được ghi nhận, đóng vai trò chủ chốt trong cấu trúc và chức năng của các hệ sinh thái rừng thường xanh ẩm nhiệt đới. Bên cạnh giá trị về mặt sinh thái, nhiều loài trong họ còn mang lại lợi ích kinh tế cao như cung cấp gỗ, tinh dầu, dược liệu và nguồn gen quý hiếm, ví dụ như Quế, Re hương, Bời lời, Gù hương... (Nguyễn, 2017; Đỗ, 2004).

Vùng đất cát nội đồng tại phường Phong Dinh, thành phố Huế (thuộc huyện Phong Điền cũ) là khu vực có điều kiện sinh thái đặc thù với điều kiện thổ nhưỡng chủ yếu là đất cát, khả năng giữ nước kém, chịu tác động mạnh mẽ của hiện tượng khô hạn vào mùa hè và ngập úng vào mùa mưa. Mặc dù điều kiện thổ nhưỡng khắc nghiệt, nơi đây vẫn duy trì một hệ thực vật thích nghi cao, đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa vi khí hậu, cải tạo đất và ngăn chặn sự xâm thực của cát dưới tác động của gió Phơn Tây Nam (Trương et al., 2015). Cùng với những họ thực vật khác, các loài thuộc họ Long não cũng góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự đa dạng cho thảm thực vật tại đây. Nhiều loài trong họ Long não đã được nghiên cứu về mặt dược liệu như Rẻ muôi, bọp lông, tân bì... (Phạm et al., 2023).

Tuy nhiên, các nghiên cứu hệ thống về thành phần loài, dạng sống và phân bố của họ Long não tại vùng đất cát đặc thù này còn khá hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu về đa dạng thực vật thuộc họ Long não (Lauraceae) tại đây là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu khoa học quan trọng

Tác giả liên hệ: Trương Thị Hiếu Thảo

Địa chỉ e-mail: truongthihieuthao@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.061.2026>

cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời định hướng khai thác bền vững nguồn tài nguyên thực vật tại địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực vật thuộc họ Long não (Lauraceae), phân bố ở vùng đất cát nội đồng thuộc địa phận phường Phong Dinh (thị xã Phong Điền cũ) thành phố Huế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp nghiên cứu thực địa

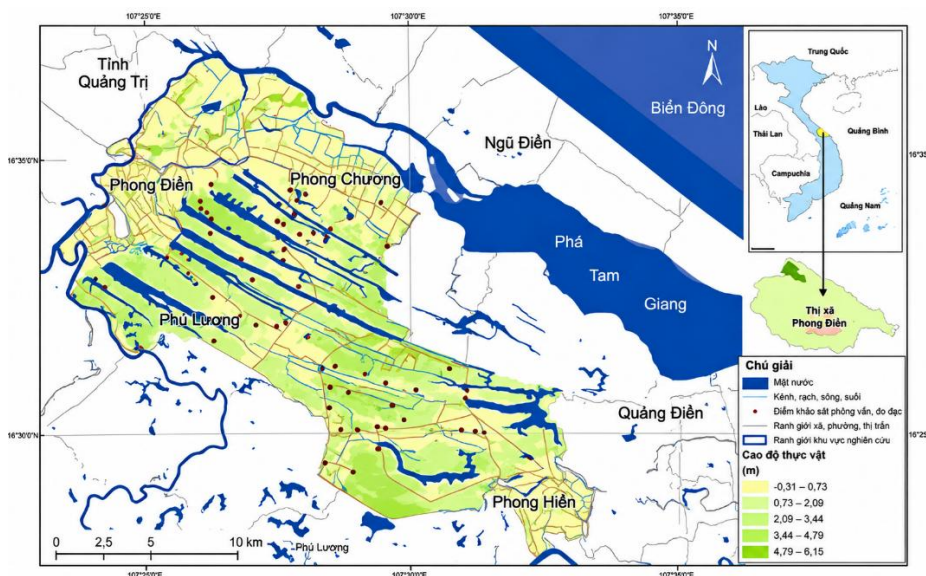
Nghiên cứu được tiến hành thông qua phương pháp điều tra theo tuyến kết hợp với ô tiêu chuẩn (OTC) theo hướng dẫn của Hoàng Chung (2004) và Nguyễn Nghĩa Thìn (2008).

- **Thiết lập tuyến điều tra:** Xây dựng hệ thống các tuyến khảo sát đại diện cho các kiểu sinh cảnh đặc trưng của vùng đất cát nội đồng. Cụ thể, thiết lập các tuyến theo trục Đông - Tây (dọc theo dải cát) và Bắc - Nam (cắt ngang vùng cát) đi qua 4 khu vực trọng điểm thuộc phường Phong Dinh gồm: Phong Hòa, Phong Hiền, Phong Chương và Phong Bình. Tổng cộng 08 tuyến khảo sát đã được thiết lập (4 tuyến dọc theo trục Đông - Tây và 4 tuyến cắt ngang theo trục Bắc - Nam). Các tuyến này trải dài trên phạm vi tọa độ từ 16°30'B đến 16°45'B và 107°15'Đ đến 107°30'Đ.

- **Thiết lập ô tiêu chuẩn:** Trên mỗi tuyến khảo sát, tiến hành lập các ô tiêu chuẩn (OTC), khoảng 40 ô đã được lập với kích thước điển hình 10m x 10m (100m²) để thu thập dữ liệu về thực vật họ Long não.

- **Thu thập dữ liệu tại OTC:** Xác định sự hiện diện và đếm số lượng cá thể của các loài thuộc họ Long não (Lauraceae). Ghi nhận đặc điểm dạng sống, các thông số sinh trưởng đối với các loài thân gỗ (chiều cao vút ngọn, đường kính ngang ngực). Chụp ảnh hình thái (thân, lá, hoa, quả) phục vụ công tác định danh.

- **Thu thập và xử lý mẫu vật:** Các mẫu vật (cành có lá, hoa hoặc quả) được thu thập, gắn thẻ số hiệu và có định sơ bộ tại hiện trường trước khi đưa về phòng thí nghiệm để xử lý.



Hình 1. Địa điểm nghiên cứu vùng đất cát nội đồng phường Phong Dinh, thành phố Huế.

* Phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm

- **Định danh mẫu vật:** Các mẫu thực vật thu thập được tiến hành phân tích đặc điểm hình thái chi tiết (thân, lá, hoa, quả). Sử dụng phương pháp so sánh hình thái đối chiếu với các khóa phân loại trong các tài liệu chuyên khảo chính thống: Thực vật chí Việt Nam, tập 20 (Nguyễn, 2017); Cây cỏ Việt Nam, tập 1 (Phạm, 1999) và Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2 (Nguyễn, 2003). Danh pháp và tên khoa học của các loài được cập nhật theo hệ thống phân loại mới nhất trên cơ sở dữ liệu trực tuyến của World Flora Online (WFO).

- **Xác định phổ dạng sống:** Phân loại dạng sống các loài dựa trên hệ thống phân loại của Raunkiaer (1934) theo hướng dẫn của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008). Các nhóm chính bao gồm: Cây chồi trên mặt đất (Ph), Cây chồi sát mặt đất (Ch), Cây chồi nửa ẩn (H), Cây chồi ẩn (Cr) và Cây một năm (Th). Trong đó nhóm cây chồi trên mặt đất (Ph) lại được chia thành: cây gỗ lớn (MM), cây gỗ vừa (Me), cây gỗ nhỏ (Mi), cây bụi (Na), cây leo thân gỗ (Lp), cây leo thân thảo, bì sinh (Ep), cây ký sinh- bán ký sinh (Pp).

- **Tổng hợp giá trị sử dụng:** Tra cứu và thống kê công dụng dược liệu, cách thức sử dụng dựa trên các nguồn tài liệu uy tín về y dược học cổ truyền như: Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ, 2012) và Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ, 2004).

- **Xử lý số liệu:** Toàn bộ dữ liệu thực địa và phân tích loài được quản lý, tính toán các chỉ số cơ bản bằng phần mềm Microsoft Excel 2021.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Danh lục thành phần loài thực vật phân bố tại vùng nghiên cứu

Kết quả khảo sát thực địa đã ghi nhận sự hiện diện của 15 loài thực vật thuộc họ Long não (Lauraceae) phân bố tại 4 khu vực thuộc phường Phong Dinh gồm: Phong Bình, Phong Chương, Phong Hiền và Phong Hòa. Danh lục chi tiết về tên khoa học, dạng sống và phân bố của các loài được tổng hợp tại bảng 1.

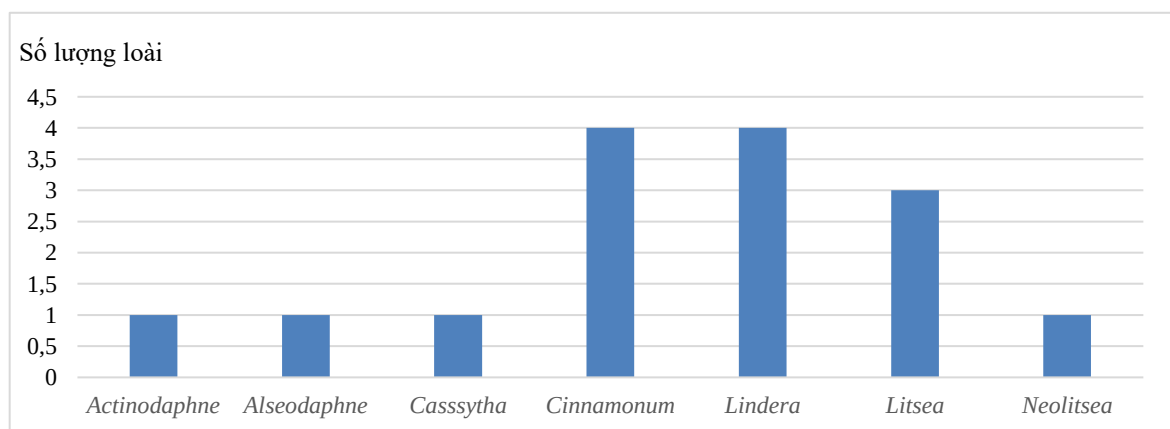
Bảng 1. Danh lục các loài thực vật họ Long não vùng đất cát phường Phong Dinh, thành phố Huế

STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Dạng sống	Phân bố
1	<i>Actinodaphne pilosa</i> (Lour.) Merr.	Bộp lông, Bộp đẹt	Mi	(1); (3); (4)
2	<i>Alseodaphne chinensis</i> Champ. ex Meisn.	Vàng trắng	MM	(2)
3	<i>Cassytha filiformis</i> L.	Tơ xanh	Pp	(1); (2); (3); (4)
4	<i>Cinnamomum bonii</i> Lecomte	Quế bon	Me	(1); (2)
5	<i>Cinnamomum burmannii</i> (Nees et T. Nees) Blume	Quế rành	MM	(1); (4)
6	<i>Cinnamomum iners</i> Reinw. ex Blume	Quế rừng	MM	(2)
7	<i>Cinnamomum melastomaceum</i> Kosterm	Rè muối	MM	(1); (3); (4)
8	<i>Lindera caudata</i> (Nees.) Hook.f	Liên đàn đuôi	Mi	(1); (3)
9	<i>Lindera hemsleyana</i> (Diels) Allen	Liên đàn lá mã tiền	Mi	(1); (3); (4)
10	<i>Lindera myrrha</i> (Lour.) Merr.	Dầu đẳng, ô dược nam	Mi	(1); (3); (4)
11	<i>Lindera aggregata</i> (Sims.) Kost.	Ô dược lá nhỏ	Mi	(1); (4)
12	<i>Litsea brevipes</i> (Lour) Merr.	Bời lời lông	Me	(3)
13	<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) C. Rob.	Bời lời nhót	Me	(1); (3); (4)
14	<i>Litsea viridis</i> Liou	Bời lời xanh	Me	(3); (4)
15	<i>Neolitsea merrilliana</i> Allen	Tân bồi Merrill	Mi	(1); (4)

*Ghi chú: MM: cây gỗ lớn, Me: cây gỗ vừa; Mi: cây gỗ nhỏ; Pp: cây ký sinh.

(1): Phong Bình; (2): Phong Chương; (3): Phong Hiền; (4): Phong Hòa

Kết quả phân tích cho thấy 15 loài thực vật ghi nhận được tại vùng cát nội đồng phường Phong Dinh thuộc về 7 chi của họ Long não (Lauraceae). Trong đó, đa dạng nhất là chi Quế (*Cinnamomum*) và chi Ô dược (*Lindera*) với 4 loài mỗi chi (chiếm 26,7% tổng số loài), tiếp đến là chi Bời lời (*Litsea*) với 3 loài (chiếm 20,0%). Các chi còn lại bao gồm *Actinodaphne*, *Alseodaphne*, *Cassytha* và *Neolitsea* chỉ ghi nhận được 1 loài mỗi chi (tương ứng với 6,7% cho mỗi chi) (hình 2). Sự tập trung số lượng loài vào một số chi chủ đạo cho thấy tính ưu thế của các đại diện này trong điều kiện sinh thái đặc thù tại khu vực nghiên cứu.



Hình 2. Biểu đồ số lượng loài phân bố trong các chi của họ Long não.

Theo báo cáo của Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung vào năm 2014, tổng số loài thực vật thuộc họ Long não (Lauraceae) được ghi nhận trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) là 78 loài. Như vậy, với 15 loài xác định được tại khu vực phường Phong Dinh, thành phần loài họ Long não tại đây chiếm tới 19,23% tổng số loài của toàn thành phố. Đây là một tỷ lệ đáng kể đối với một hệ sinh thái có điều

kiện thổ nhưỡng đặc thù như vùng cát nội đồng.

Đáng chú ý, qua quá trình điều tra đối chiếu với các dữ liệu công bố trước đó, nghiên cứu đã xác định được 3 loài chỉ xuất hiện tại vùng cát phước Phong Dinh mà chưa ghi nhận được tại các sinh cảnh khác trên địa bàn thành phố, bao gồm: Ô dước lá nhỏ (*Lindera aggregata*), Bời lời lông (*Litsea brevipes*) và Tân bời Merrill (*Neolitsea merrilliana*) (hình 3). Kết quả này cho thấy vùng cát nội đồng Phong Dinh không chỉ đóng góp vào sự đa dạng chung mà còn là khu vực lưu giữ những đại diện đặc thù của họ Long não trong hệ thực vật địa phương.



a. Ô dước lá nhỏ (*Lindera aggregata*)



b. Bời lời lông (*Litsea brevipes*)

Hình 3. Các loài thực vật vùng cát phước Phong Dinh.

Bên cạnh đó, khi so sánh đa dạng thành phần loài với các khu vực có điều kiện thổ nhưỡng tương đồng, sự ưu thế của họ Long não tại vùng cát nội đồng Phong Dinh càng được thể hiện rõ nét. Cụ thể, số lượng loài ghi nhận được tại đây (15 loài) cao hơn đáng kể so với vùng cát nội đồng huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (4 loài) (Hoàng & Nguyễn, 2017), vùng cát nam Quảng Bình (6 loài) (Lê & Nguyễn, 2014) và vượt trội so với vùng cát tỉnh Bình Thuận (chỉ ghi nhận 2 loài) (Hồ et al., 2018) (bảng 2). Sự khác biệt về thành phần loài này cho thấy vùng cát nội đồng tại thành phố Huế sở hữu những đặc điểm sinh thái và vi khí hậu thuận lợi, cho phép các đại diện của họ Long não thích nghi và phát triển mạnh mẽ hơn so với các vùng cát ven biển khác ở miền Trung và Nam Trung Bộ.

Bảng 2. So sánh đa dạng loài họ Long não tại các vùng cát miền Trung

STT	Khu vực nghiên cứu	Số loài	Nguồn tài liệu
1	Vùng cát nội đồng Phong Dinh (Huế)	15	Nghiên cứu này
2	Vùng cát nội đồng Hải Lăng, Quảng Trị	4	Hoàng & Nguyễn (2017)
3	Vùng cát Nam Quảng Bình	6	Lê Đức Thắng & Nguyễn Thanh Tây (2014)
4	Vùng cát Đồi hồng Bình Thuận	2	Hồ Đắc Thái Hoàng và cộng sự (2018)

3.2. Dạng sống các loài thuộc họ Long não trong vùng nghiên cứu

Trong điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng đặc thù của vùng cát nội đồng, các loài họ Long não (Lauraceae) thể hiện sự thích nghi thông qua đặc điểm hình thái và cấu trúc dạng sống. Trong đó, sự chiếm ưu thế của các nhóm dạng sống nhất định (như cây gỗ vừa và nhỏ, cây bụi) được xem là một trong những chiến lược giúp thực vật tồn tại và duy trì tại khu vực này. Kết quả phân tích phổ dạng sống theo hệ thống của Raunkiaer (1934) tại khu vực nghiên cứu được tổng hợp ở bảng 3.

Bảng 3. Phổ dạng sống các loài thuộc họ Long não vùng nghiên cứu

STT	Nhóm dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỉ lệ %
1	Nhóm cây gỗ lớn	MM	4	26,7
2	Nhóm cây gỗ vừa	Me	4	26,7
3	Nhóm cây gỗ nhỏ	Mi	6	40,0
4	Nhóm cây kí sinh	Pp	1	6,6
	Tổng		15	100

Từ kết quả bảng 3, ta có Phổ dạng sống (SB) của họ Long não tại vùng cát Phong Dinh như sau:

$$SB = 26,7\% MM + 26,7\% Me + 40,0\% Mi + 6,6\% Pp$$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm cây chồi trên mặt đất (Ph) chiếm ưu thế tuyệt đối với cả 15 loài được xác định đều thuộc nhóm cây chồi trên. Trong đó nhóm thuộc cây gỗ ưu thế với 14 loài chiếm 93,4% tổng số

loài, đặc biệt nhóm cây gỗ nhỏ (Mi) với 6 loài (40,0%). Sự chiếm ưu thế của nhóm cây gỗ nhỏ (Mi), cho thấy sự phù hợp của dạng sống này với điều kiện sinh cảnh khô hạn và khả năng giữ nước kém của đất cát nội đồng vào mùa khô.

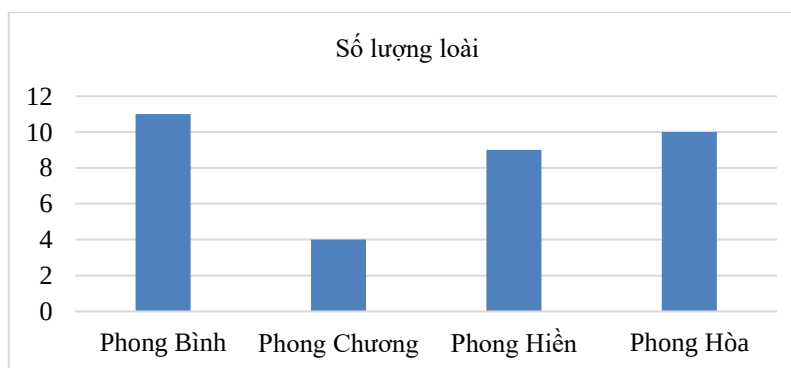
Nhóm cây gỗ lớn (MM) và cây gỗ vừa (Me) cùng chiếm tỷ lệ 26,7%. Các loài này thường phân bố ở những khu vực có tầng đất mặt ổn định hơn hoặc gần các nguồn thủy văn. Đáng chú ý là sự góp mặt của nhóm Cây ký sinh (Ep) với đại diện duy nhất là loài Tơ xanh (*Cassytha filiformis*). Dù chỉ chiếm 6,6%, nhưng sự hiện diện của loài này phản ánh tính đa dạng về hình thức sinh tồn của họ Long não trong hệ sinh thái đất cát, nơi mà hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất bị hạn chế.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu thực địa, chúng tôi nhận thấy có sự thay đổi hình thái ngoài của các loài so với các tài liệu đã nghiên cứu (Nguyễn, 2017; Phạm, 1999). Cụ thể nhiều loài thuộc chi *Lindera* không phát triển thành dạng cây gỗ nhỏ điển hình mà tồn tại phổ biến dưới dạng cây bụi, mọc dưới tán các loài ưu thế. Tương tự, các loài có tiềm năng trở thành cây gỗ lớn như Rẻ muôi (*C. melastomaceum*), Quế (*Cinnamomum* spp.) cũng bị hạn chế về sinh trưởng, đa số chỉ đạt kích thước cây gỗ vừa và nhỏ với chiều cao vút ngọn dưới 20m và đường kính ngang ngực dao động từ 15–20cm. Điều này có thể do tác động của các yếu tố hạn chế từ môi trường như nghèo dinh dưỡng, chế độ thủy văn khắc nghiệt...

Nhìn chung, phổ dạng sống của họ Long não tại khu vực nghiên cứu tập trung hoàn toàn vào các nhóm cây thân gỗ và ký sinh, không ghi nhận các nhóm cây thân thảo (nhóm cây một năm - Th hay cây chồi ẩn - Cr). Điều này phù hợp với đặc tính sinh học của họ Lauraceae và khẳng định vai trò quan trọng của họ này trong việc tạo lập cấu trúc tầng tán và bảo vệ bề mặt vùng đất cát nội đồng.

3.3. Sự phân bố số lượng loài trong các khu vực nghiên cứu

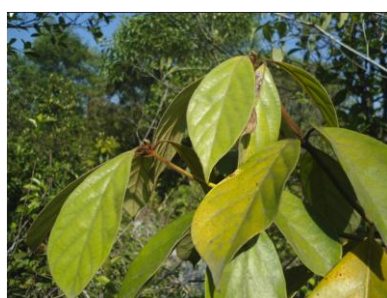
Sự phân bố của các loài thực vật họ Long não tại 4 khu vực khảo sát (Phong Bình, Phong Chương, Phong Hiền và Phong Hòa) có sự khác biệt rõ rệt, phản ánh tính đa dạng sinh cảnh của vùng cát nội đồng Phong Dinh. Kết quả tổng hợp phân bố được trình bày tại hình 4.



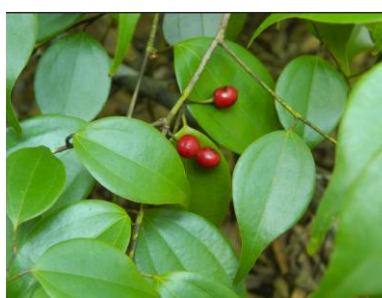
Hình 4. Biểu đồ số lượng loài phân bố trong các khu vực nghiên cứu.

Từ kết quả nghiên cứu về sự phân bố của các loài ở các khu vực nghiên cứu, có thể thấy:

Nhóm loài có phạm vi phân bố rộng: Loài duy nhất xuất hiện tại cả 4 khu vực nghiên cứu là Tơ xanh (*Cassytha filiformis*). Bên cạnh đó, các loài gồm Bộp lông (*Actinodaphne pilosa*), Rẻ muôi (*Cinnamomum melastomaceum*), Dầu đẵn (*Lindera myrrha*), Liên đàn lá mã tiền (*Lindera hemsleyana*) và Bời lời nhót (*Litsea glutinosa*) cho thấy tính thích nghi cao khi có mặt tại 3 trên 4 khu vực khảo sát (Phong Bình, Phong Hiền và Phong Hòa).



a. Bộp lông (*Actinodaphne pilosa*)



b. Dầu đẵn (*Lindera myrrha*)



c. Bời lời nhót (*Litsea glutinosa*)

Hình 5. Các loài thực vật họ Long não phân bố rộng ở các khu vực nghiên cứu.

Nhóm loài phân bố hẹp: nghiên cứu ghi nhận một số loài chỉ xuất hiện duy nhất tại một khu vực nhất

định. Điển hình là Vàng trắng (*Alseodaphne chinensis*) và Quế rừng (*Cinnamomum iners*) chỉ tìm thấy tại khu vực Phong Chương. Ngược lại, Bời lời lông (*Litsea brevipes*) chỉ được ghi nhận tại Phong Hiền. Tại khu vực Phong Chương, đặc điểm địa hình là vùng đầm lầy, ngập nước vào mùa mưa và sinh lầy vào mùa khô. Nhờ nguồn nước dồi dào, các loài như Vàng trắng và Quế rừng tại đây phát triển vượt trội về mặt hình thái, đạt kích thước cây gỗ lớn với chiều cao vút ngọn trên 30m và đường kính ngang ngực xấp xỉ 40cm. Điều này đối lập hoàn toàn với sự "thu nhỏ" hình thái của các loài họ Long não ở những vùng cát khô hạn.

Trong cả 4 khu vực nghiên cứu thì Phong Bình là khu vực giàu loài nhất với 11 loài, tiếp theo là Phong Hòa (10 loài) và Phong Hiền (9 loài). Khu vực Phong Chương có độ giàu loài thấp nhất với chỉ 4 loài. Đáng chú ý, sự tập trung số lượng loài cao tại các vùng đất cát khô, nóng (Phong Bình, Phong Hiền, Phong Hòa) cho thấy các đại diện của họ Long não tại Phong Dinh có xu hướng thích nghi tốt hơn với môi trường cát khô so với môi trường cát ẩm ướt hoặc sinh lầy.

3.4. Giá trị sử dụng của các loài thực vật họ Long não tại vùng nghiên cứu

Họ Long não (Lauraceae) không chỉ đóng góp về mặt đa dạng sinh thái mà còn sở hữu giá trị sử dụng vô cùng phong phú, đặc biệt là trong lĩnh vực dược liệu và lâm sản ngoài gỗ. Qua đối chiếu với các tài liệu chuyên ngành của Đỗ Tất Lợi (2004) và Võ Văn Chi (2012), chúng tôi đã tổng hợp các nhóm giá trị chính của 15 loài nghiên cứu tại bảng 4.

Bảng 4. Giá trị sử dụng của các loài thực vật họ Long não vùng cát Phong Dinh

STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Giá trị sử dụng		
			Dược liệu	Tinh dầu	Lấy gỗ
1	<i>Actinodaphne pilosa</i>	Bộp lông, Bồ dẹt	x	x	
2	<i>Alseodaphne chinensis</i>	Vàng trắng			x
3	<i>Cassytha filiformis</i>	Tơ xanh	x		
4	<i>Cinnamomum bonii</i>	Quế bon	x	x	
5	<i>Cinnamomum burmannii</i>	Quế rành	x	x	
6	<i>Cinnamomum iners</i>	Quế rừng	x	x	x
7	<i>Cinnamomum melastomaceum</i>	Rẻ muôi	x	x	
8	<i>Lindera caudata</i>	Liên đàn đuôi	x	x	
9	<i>Lindera hemsleyana</i>	Liên đàn lá mã tiền	x	x	
10	<i>Lindera myrrha</i>	Dầu đẳng, ô dược nam	x	x	
11	<i>Lindera aggregata</i>	Ô dược lá nhỏ	x	x	
12	<i>Litsea brevipes</i>	Bời lời lông	x		
13	<i>Litsea glutinosa</i>	Bời lời nhót	x		x
14	<i>Litsea viridis</i>	Bời lời xanh	x		
15	<i>Neolitsea merrilliana</i>	Tân bời Merrill	x	x	
Tổng			14	10	3

Thống kê từ bảng 4 nhận thấy:

- Nhóm cây làm dược liệu: Đây là nhóm giá trị ưu thế nhất với 14/15 loài (chiếm 93,3%). Các loài thuộc chi *Lindera* (Ô dược) và *Cinnamomum* (Quế) đóng vai trò nòng cốt với các công dụng đặc trị về tiêu hóa, xương khớp và chống viêm (Đỗ, 2004; Võ, 2012). Đặc biệt, 2 loài Ô dược lá nhỏ (*Lindera aggregata*) và Ô dược nam (*Lindera myrrha*) được coi là vị thuốc quý trong y học cổ truyền. Loài ô dược nam phân bố khá nhiều trên vùng đất cát nội đồng. Trong quá trình khảo sát chúng tôi nhận thấy loài này bị khai thác mạnh mẽ trên vùng đất cát, và khai thác theo kiểu tận thu (đào rễ, chặt thân). Với cách khai thác mang tính tận diệt thể này, loài này có khả năng đối mặt với nguy cơ suy giảm số lượng cá thể nghiêm trọng. Thực trạng này, kết hợp với các điều kiện môi trường khắc nghiệt như đã phân tích ở trên, cho thấy nếu không có biện pháp quản lý và quy hoạch vùng khai thác bền vững, nguồn gen dược liệu quý này có thể bị suy giảm trong tương lai gần.

- Nhóm cây chứa tinh dầu: Ghi nhận 10/15 loài (chiếm 66,7%) có khả năng chiết xuất tinh dầu từ vỏ, lá hoặc quả. Các loài chi *Cinnamomum* không chỉ cung cấp tinh dầu có giá trị kinh tế cao mà còn được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp thực phẩm và mỹ phẩm.

- Nhóm cây lấy gỗ và các giá trị khác: Có 3/15 loài có thể khai thác gỗ phục vụ xây dựng và gia dụng là Vàng trắng (*A. chinensis*), Quế rừng (*C. iners*) và Bời lời nhót (*L. glutinosa*). Đáng chú ý, loài Bời lời nhót (*L. glutinosa*) còn mang lại giá trị kinh tế phụ thông qua việc khai thác vỏ cây làm chất dính tự nhiên trong sản xuất nhang (hương).

Sự hiện diện của đa số các loài có giá trị dược liệu cao tại vùng cát Phong Dinh cho thấy đây là kho tài

nguyên bản địa tiềm năng. Việc bảo tồn các loài này không chỉ có ý nghĩa về đa dạng sinh học mà còn mở ra hướng phát triển kinh tế cho địa phương thông qua việc khai thác bền vững nguồn dược liệu và tinh dầu, đặc biệt là các loài thích nghi tốt với đất cát.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Kết luận

Đã định danh được 15 loài thực vật thuộc 7 chi của họ Long não phân bố tại vùng đất cát phường Phong Dinh, thành phố Huế. 2 chi có số loài nhiều nhất đó là chi Quế (*Cinnamomum*) và chi Ô dược (*Lindera*) cùng có 4 loài. Nghiên cứu đã ghi nhận được 3 loài chỉ có mặt ở vùng cát, chưa được tìm thấy ở các vùng đất khác của thành phố Huế đó là Bời lời lông, Ô dược lá nhỏ, và Tân bời Merrill.

Đã xây dựng được phổ dạng sống của các loài thuộc họ Long não trên vùng đất cát, qua đó cho thấy các loài đã xác định đều thuộc nhóm cây chồi trên (Ph), nhóm thực vật thân gỗ chiếm ưu thế với 93,4% tổng số loài. Tuy nhiên, do điều kiện khắc nghiệt của vùng đất cát, nhiều loài cây gỗ đã có hiện tượng thu nhỏ hình thái, tồn tại dưới dạng cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ để thích nghi.

Trong 4 khu vực nghiên cứu, Phong Bình có số loài hiện diện nhiều nhất (11 loài), Phong Hòa (10 loài), Phong Hiền (9 loài), Phong Chương chỉ có 4 loài. Qua đó cho thấy các loài họ Long não tại đây có xu hướng thích nghi tốt hơn với môi trường cát khô và nóng.

Họ Long não tại vùng nghiên cứu có giá trị tài nguyên rất lớn với 93,3% số loài làm dược liệu và 66,7% số loài cho tinh dầu.

- Kiến nghị

Do đặc thù sinh thái của vùng cát nội đồng, cần triển khai thêm các nghiên cứu chuyên sâu về hình thái cấu tạo, đặc điểm sinh lý và hóa sinh của các loài họ Long não nói riêng và các họ thực vật khác nói chung, nhằm hoàn thiện hệ thống dữ liệu thực vật tại địa phương. Ngoài ra, việc xây dựng các mô hình bảo tồn và trồng thực nghiệm các loài bản địa là cần thiết để bảo tồn nguồn gen, đồng thời tạo cơ sở cho việc khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thực vật này.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số T.25.TN.106.01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung. (2014). *Thống kê thành phần loài thực vật bậc cao ở tỉnh Thừa Thiên Huế* (pp. 118–122). Nhà xuất bản Thuận Hóa.
- Đỗ, T. L. (2004). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học.
- Hồ, Đ. T. H., Lê, T. H., Trương, T. H. T., Trần, K. D., & Lê, T. T. N. (2018). Đa dạng thành phần loài thực vật phân bố ở Đồi Hồng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Trái đất và Môi trường*, 127(4A), 73–86. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jese.v127i4A.5045>
- Hoàng, C. (2004). *Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Hoàng, X. T., & Nguyễn, T. K. N. (2017). Đa dạng thực vật có hoa vùng cát tại xã Hải Thiện, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên*, 126(1A), 67–79. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jns.v126i1A.3806>
- Lê, Đ. T., & Nguyễn, T. T. (2014). Một số đặc điểm hệ thực vật vùng cát ven biển Nam Quảng Bình. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 21, 136–142.
- Nguyễn, T. B. (Chủ biên). (2003). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam* (Tập II). Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyễn, K. Đ. (2017). Họ Long não – Lauraceae. Trong *Thực vật chí Việt Nam* (Tập 20). Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Nguyễn, N. T. (2008). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm, T. V., Ha, N. X., Luyen, N. D., Thao, H. X., Thang, L. Q., Hung, N. H., & Son, N. T. (2023). Chemical composition, mosquito larvicidal and antimicrobial activities, and molecular docking study of essential oils of *Cinnamomum melastomaceum*, *Neolitsea buisanensis* and *Uvaria microcarpa* from Vietnam. *Chemistry & Biodiversity*, 20(7). <https://doi.org/10.1002/cbdv.202300554>
- Phạm, H. H. (1999). *Cây cỏ Việt Nam* (Quyển I). Nhà xuất bản Trẻ.
- Trương, T. H. T., Hồ, Đ. T. H., & Nguyễn, K. L. (2015). Đặc trưng các quần xã thực vật vùng đất cát nội đồng tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 108(9), 269–278. <https://doi.org/10.26459/jard.v108i9.2943>
- Võ, V. C. (2012). *Từ điển cây thuốc Việt Nam* (Tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học.

Plant diversity of the Lauraceae family in the inland sandy areas of Phong Dinh ward, Hue city

Truong Thi Hieu Thao, Le Thanh Hai

Faculty of Biology, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 03 February 2026

Received in revised form: 23 March 2026

Accepted: 08 April 2026

Published: 20 April 2026

Keywords:

Species composition;

Lauraceae;

Inland sandy soil;

Hue city.

Corresponding author:

Truong Thi Hieu Thao

E-mail address:

truongthihieuthao@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

This study was conducted to evaluate the current status of species diversity, ecological characteristics, and resource value of the Lauraceae family in the inland sandy areas of Phong Dinh Ward, Hue City. The findings serve as a scientific basis for proposing conservation strategies and the development of indigenous genetic resources. The results identified 15 species belonging to 7 genera, accounting for 19.23% of the total Lauraceae species recorded in Hue City. The analysis of life-form spectrums indicates a predominance of woody species. However, due to the arid and hot environmental conditions, most species exhibit a tendency toward "morphological miniaturization" to adapt to their habitat. The findings show that species richness is concentrated in arid and hot areas such as Phong Binh, Phong Hien, and Phong Hoa, rather than the wetland areas of Phong Chuong. This distribution pattern demonstrates the robust adaptation of Lauraceae species to extreme sandy soil environments.

Regarding utility values, 93.3% of the species are recorded for medicinal purposes, and 66.7% yield essential oils. These results provide a critical scientific foundation for further research into the biochemical and physiological characteristics, as well as the propagation of dominant species, aiming to support forest restoration and climate change mitigation in the inland sandy regions of Central Vietnam.
